

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/DS-ST
Ngày 23-11-2018
V/v tranh chấp hui và
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trung.

Ông Trần Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hui và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1963 (có mặt).

Cư trú tại: ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Lệ T (Trần Thị T), sinh năm 1965 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Trần Văn Toàn E, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Vào ngày 30/9/2013 âm lịch bà có mở 03 dây hụi 500.000 đồng các dây hụi đều gồm 70 chân tháng khui lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng.

+ Dây thứ nhất: Bà T tham gia 01 chân hốt vào ngày 15/02/2014.

+ Dây thứ hai: Bà T tham gia 01 chân hốt vào ngày 30/5/2014.

+ Dây thứ nhất: Bà T tham gia 01 chân hốt vào ngày 15/11/2014.

Sau khi hốt bà T có đóng nhưng không đầy đủ. Ngày hụi mãn là ngày 30/7/2016 thì giữa bà và bà T có gặp nhau để chốt số tiền hụi bà T nợ là 14 kỳ x 500.000 đồng x 3 chân = 21.000.000 đồng. Sau đó hai bên có gặp nhau trừ căn khoản nợ của dây hụi này và các khoản nợ trước đó bà T còn nợ tổng là 61.000.000 đồng bà T có ký biên nhận nợ. Bà T còn 02 chân hụi 1.000.0000 đồng còn sống với tổng số tiền đã đóng là 20.000.000 đồng nên trừ căn bà T còn nợ 41.000.000 đồng.

Vào ngày 30/4/2014 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 70 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà T có tham gia 02 chân. Đến ngày 15/7/2014 và ngày 15/11/2014 bà T đã hốt. Đến ngày 30/7/2016 hụi đình bà T còn nợ hụi chết chưa đóng là 14 kỳ x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

Vào ngày 15/5/2015 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 67 chân, hụi mỗi tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng, bà T có tham gia 03 chân. Ngày 30/9/2015 bà T hốt 01 chân. Sau đó hai bên gặp nhau chốt nợ thì bà T còn nợ 38 kỳ là 38 kỳ x 1.000.000 đồng = 38.000.000 đồng. Bà T còn 02 chân hụi 1.000.000 đồng còn sống đã đóng được 20 kỳ = 20.000.000 đồng nhưng đã đối trừ xong nên bà không còn nợ bà T.

Vào ngày 15/5/2015 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 60 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà T có tham gia 01 chân. Ngày 30/6/2015 bà T hốt 01 chân. Sau khi đình hụi bà T còn nợ 31 kỳ là 31 kỳ x 1.000.000 đồng = 31.000.000 đồng.

Đến ngày 30/12/2015 âm lịch tuyên bố đình hụi. Tiền cò hụi của chân 1.000.000 đồng là 600.000 đồng, hụi 500.000 đồng tiền cò hụi là 300.000 đồng. Ngày 30/7/2016 là ngày gặp nhau để chốt nợ. Nay yêu cầu bà T và ông T thanh toán tiền hụi còn nợ là 124.000.000 đồng.

- Vào ngày 15/5/2015 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 67 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà T có tham gia 03 chân. Ngày 30/9/2015 bà T hốt 01 chân. Sau đó hai bên gặp nhau chốt nợ thì bà T còn nợ 38 kỳ là 38 kỳ x 1.000.000 đồng = 38.000.000 đồng. Bà T còn 02 chân hụi 1.000.000 đồng còn sống đã đóng được 20 kỳ = 20.000.000 đồng. Nên đối với số tiền 20.000.000

đồng giữa bà và bà T đã tính toán xong khi đình hụi bà T còn 61.000.000 đồng trừ khoản nợ 20.000.000 đồng trong nên bà T có ký biên nhận còn nợ 41.000.000 đồng.

- Đối với số tiền tiêu 600.000 đồng bà thừa nhận có mua nhưng đã thanh toán cho bà T xong.

- Đối với chân hụi 500.000 đồng của chị Nguyễn Kim Đ làm chủ là do bà T bán cho anh Trần Văn Toàn E, cư trú tại ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau chứ không phải bán cho bà nên bà không đồng ý thanh toán. Bà vẫn quan điểm yêu cầu ông T và bà T thanh toán các khoản hụi còn nợ là 124.000.000 đồng. Đối với số tiền 35.600.000 đồng bà T yêu cầu bà không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Lệ T trình bày: Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà M làm chủ cụ thể như sau:

- Hụi 500.000 đồng mở ngày 30/9/2013 âm lịch bà tham gia 03 dây, mỗi dây 70 chân như bà M trình là đúng và bà đã hốt hết 03 chân của 3 dây trên. Nay còn nợ 14 kỳ x 500.000 đồng x 03 chân = 21.000.000 đồng, bà đồng ý thanh toán cho bà M.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 30/4/2014 hụi gồm 70 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà có tham gia 02 chân và đã hốt hụi. Nay còn nợ 07 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 chân = 14.000.000 đồng, bà đồng ý thanh toán cho bà M.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2015, hụi gồm 67 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà có tham gia 03 chân, đã hốt 01 chân còn nợ là 38 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 chân = 38.000.000 đồng. Còn 02 chân còn sống đã đóng được 10 kỳ bà M còn nợ là 10 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 chân = 20.000.000 đồng.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2015, hụi gồm 60 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà có tham gia 01 chân đã hốt còn nợ là 31 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 chân = 31.000.000 đồng, bà đồng ý thanh toán cho bà M.

Tổng các dây hụi bà còn nợ bà M là 104.000.000 đồng nhưng bà M còn nợ bà các khoản gồm:

- Vào ngày 15/01/2016 chị Nguyễn Kim Đ có mở chân hụi 500.000 đồng, hụi gồm 47 chân bà có tham gia 01 chân sau đó bà có bán chân hụi này cho bà M với giá 195.000 đồng tổng số tiền 18.750.000 đồng, đối trừ tiền bà còn nợ bà M là 15.000.000 đồng nên bà M có giao lại cho bà số tiền 3.750.000 đồng, tiền cò hụi là 300.000 đồng. Nay yêu cầu bà M đối trừ 15.000.000 đồng tiền hụi trong số tiền bà còn nợ bà M.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2015, hụi gồm 67 chân tháng khui 02 lần vào các ngày 15, 30 hàng tháng bà T có tham gia 03 chân đã hốt 01 chân còn nợ là 38 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 chân = 38.000.000 đồng. Còn 02 chân còn sống đã

đóng được 10 kỳ bà M còn nợ là 10 kỳ x 1.000.000 đồng x 02 chân = 20.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà M đối trừ trong số tiền hui còn nợ.

- Bà có bán có bà M 03 kg tiêu x 200.000 đồng = 600.000 đồng nay yêu cầu bà M phải thanh toán cho bà.

Bà thừa nhận còn nợ bà M 104.000.000 đồng nhưng yêu cầu đối trừ các khoản bà M nợ là 35.600.000 đồng, còn nợ 68.400.000 đồng. Tiền từ việc tham gia chơi hui và hốt hui là nhằm phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình. Nay đồng ý thanh toán cho bà M không yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm trả. Bà xác định trong biên bản chốt nợ không phải chữ ký của bà.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 18/5/2018 ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chồng của bà Trần Lệ T nhưng hiện tại ông và bà T đã sống ly thân khoảng 03 năm nên việc tham gia chơi hui giữa bà T với bà M như thế nào thì ông không biết. Khoản tiền có được từ việc chơi hui thì bà T đã sử dụng vào mục đích cá nhân của bà T vì từ lúc ly thân đến nay ông và bà T không có liên quan gì về kinh tế nên ông không đồng ý thanh toán số tiền bà M yêu cầu.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 09/10/2018 anh Trần Văn Toàn E trình bày: Vào ngày 15/01/2016 chị Kim Đ có mở hui 500.000 đồng, hui gồm 47 chân, được biết bà Trần Lệ T có tham gia 01 chân hui. Bà T có kêu bán hui nên anh đã đồng ý mua lại chân hui này của bà T. Anh Toàn E mua hui ở kỳ thứ 04, mua với giá 190.000 đồng với tổng số tiền 14.530.000 đồng, anh trực tiếp giao tiền cho bà T. Khi giao tiền có sự chứng kiến của chị Đ và bà T có ký tên vào biên nhận về việc đã nhận đủ tiền hui. Nay bà T cho rằng bà T bán chân hui nêu trên cho bà M là không đúng mà chân hui trên là bà T đã trực tiếp bán cho anh.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 24/9/2018 chị Nguyễn Thị Kim Đ trình bày: Vào ngày 15/01/2016 bà có mở hui 500.000 đồng, hui gồm 47 chân, hui tháng khai hai lần, bà Trần Lệ T có tham gia 01 chân hui. Bà T có kêu bán hui nên anh Trần Văn Toàn E đã đồng ý mua lại chân hui này của bà T. Anh Toàn E là con rể của bà M. Anh Toàn E mua hui với giá 190.000 đồng với tổng số tiền 14.530.000 đồng, các bên gồm chị, anh Toàn E và bà T có ký tên vào giấy mua bán hui. Việc bà T và bà M trừ căn tiền nợ với nhau như thế nào thì chị không biết.

Tại phiên tòa: Bà M bảo lưu quan điểm. Bà T xác định ngoài các chân hui bà thừa nhận thì bà không nợ khoản hui nào khác với số tiền 40.000.000 đồng như bà M trình bày, bà không ký vào biên nhận nợ 41.000.000 đồng nên chỉ thống nhất nợ hui 104.000.000 đồng và yêu cầu đối trừ 35.600.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà M số tiền 68.400.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy

định. Do bà T chỉ thừa nhận nợ hụi bà M104.000.000 đồng, bà M không cung cấp được chứng cứ việc bà T có nợ hụi khác với số tiền 40.000.000 đồng và bà M không chứng minh được đã đối trừ 20.000.000 đồng cho bà T nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M. Bà T không chứng minh được việc bà M có mua chân hụi của bà nên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T. Do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông T nên buộc vợ chồng bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 83.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Tuyết M khởi kiện bà Trần Lệ T và ông Nguyễn Văn T về tranh chấp hụi. Bà Trần Lệ T yêu cầu bà Lê Thị Tuyết M về yêu thực hiện nghĩa vụ dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị Tuyết M, bà Trần Lệ T và ông Nguyễn Văn T cùng cư trú tại ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị Kim Đ, anh Trần Văn Toàn E, ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Từ ngày 30/9/2013 đến ngày 30/12/2015 việc bà Lê Thị Tuyết M có cho bà Trần Lệ T tham gia chơi hụi là thực tế có xảy ra. Theo thỏa thuận bà M làm chủ hụi có trách nhiệm khai hụi, gom hụi và giao hụi cho hụi viên theo từng kỳ như đã thỏa thuận và được hưởng tiền huê hồng của mỗi kỳ khai hụi. Bà M và bà T xác định là đều thống nhất với nhau ngày khai hụi, số chân hụi bà T tham gia, số chân hụi bà T đã hót và số chân hụi bà T chưa hót. Bà T và bà M chỉ không thống nhất đối với 02 chân hụi loại hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015 hụi gồm 67 chân, phía bà T tham gia 03 chân, bà T hót 01 chân và nợ bà M38.000.000 đồng, còn 02 chân hụi sống bà T đóng được 20.000.000 đồng phía bà T cho rằng bà M chưa đối trừ trong số tiền hụi bà còn nợ bà M, còn phía bà M cho rằng do trước đây bà T còn nợ bà 40.000.000 đồng từ các chân hụi khác nên bà đã trừ cần 20.000.000 đồng từ 02 chân hụi bà T chưa hót vào khoản tiền bà T còn nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà M yêu cầu bà T thanh toán 124.000.000 đồng trong đó có số tiền 40.000.000 đồng từ các chân hụi khác nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc bà T có nợ 40.000.000 đồng tiền hụi khác và bà T cũng không thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ 41.000.000 đồng như bà M cung cấp nên yêu cầu bà T thanh toán số tiền 124.000.000 đồng của bà M được chấp nhận một phần với số tiền hụi là 104.000.000 đồng. Xét yêu cầu phản tố của bà T: Bà T xác định bà có bán 01 chân hụi 500.000 đồng, khai vào ngày 15/01/2015 do chị

Nguyễn Thị Kim Đ làm chủ cho bà M với số tiền 18.750.000 đồng, do bà còn nợ bà M 15.000.000 đồng nên bà M chỉ giao cho bà số tiền 3.750.000 đồng nên bà yêu cầu bà M phải đối trừ tiền hui 15.000.000 đồng trong số tiền bà còn nợ bà M. Phía chị Đ, bà M, anh Toàn E cùng xác định bà T bán hui cho cho anh Toàn E chứ không bán hui cho bà M. Đồng thời bà T không cung cấp chứng cứ để chứng minh việc bà M mua hui của bà nên yêu cầu đối trừ 15.000.000 đồng của bà T không được chấp nhận. Đối với dây hui 1.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015 hui gồm 67 chân do bà M làm chủ, phía bà T tham gia 03 chân, bà T hốt 01 chân nợ bà M 38.000.000 đồng, 02 chân hui sống bà T đóng được 20.000.000 đồng phía bà T cho rằng bà M chưa đối trừ trong số tiền hui bà còn nợ bà M, còn phía bà M cho rằng do trước đây bà T còn nợ bà 40.000.000 đồng từ các chân hui khác nên bà đã đối trừ số tiền 20.000.000 đồng từ 02 chân hui này cho bà T nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc đối trừ số tiền 20.000.000 đồng của bà T đã đóng nên yêu cầu đối trừ 20.000.000 đồng của bà T được chấp nhận. Đối với tiền 03 kg tiêu với số tiền 600.000 đồng bà M thừa nhận có mua của bà T nhưng thanh toán xong nhưng bà M không cung cấp chứng cứ về việc trả 600.000 đồng cho bà T nên yêu cầu bà M thanh toán 600.000 đồng tiền tiêu của bà T được chấp nhận. Do khoản nợ hui bà T xác định việc chơi hui là nhằm phục vụ cho vào sinh hoạt chung của gia đình và phát sinh trong lúc bà và ông T còn sống chung nên cần buộc ông T cùng thanh toán nợ cho bà M là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Lệ T. Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 20.600.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M. Buộc bà Trần Lệ T và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho bà M số tiền hui là 104.000.000 đồng. Nhưng do bà M có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T nên bà T được đối trừ số tiền 20.600.000 đồng. Do đó bà T, ông T chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho bà M tổng số tiền 83.400.000 đồng (Tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Lệ T yêu cầu bà M đối trừ số tiền nợ hui 15.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về yêu cầu bà T, ông T thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

[3] Kể từ khi bà Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Lệ T, ông Nguyễn Văn T chậm trả khoản tiền trên cho bà M, thì bà T, ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Lệ T, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000 đồng + 83.400.000 đồng x 5% = 4.920.000.000 đồng. Bà Trần Lệ T đã dự nộp số tiền 890.000 đồng theo biên lai thu số 0005404 ngày 20/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được đối trừ phần còn thiếu bà T, ông T tiếp tục nộp. Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng. Bà M đã dự nộp số tiền 3.100.000 đồng theo biên lai thu số 0014153 ngày 30/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được đối trừ phần còn thừa, bà M được nhận lại.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Kim Đ, anh Trần Văn Toàn E, ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 479, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Lệ T. Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 20.600.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M. Buộc bà Trần Lệ T, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 104.000.000 đồng. Nhưng do bà M có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T nên bà T được đối trừ số tiền 20.600.000 đồng. Do đó bà T, ông T chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho bà M tổng số tiền 83.400.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Lệ T yêu cầu bà Lê Thị Tuyết M đối trừ số tiền nợ 15.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M về yêu cầu bà Trần Lệ T và ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ khi bà Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Lệ T, ông Nguyễn Văn T chậm trả khoản tiền trên cho bà M, thì bà T, ông T còn phải chịu

thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- Bà Trần Lệ T, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.920.000.000 đồng. Bà Trần Lệ T đã dự nộp số tiền 890.000 đồng theo biên lai thu số 0005404 ngày 20/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được đối trừ phần còn thiếu bà T, ông T tiếp tục nộp.

- Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.000.000 đồng. Bà M đã dự nộp số tiền 3.100.000 đồng theo biên lai thu số 0014153 ngày 30/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được đối trừ phần còn thừa bà M được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương

